

ĐIỀU KIỆN CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ
CONDITIONS FOR QMS CERTIFICATION

<p>1. Phạm vi áp dụng</p> <p>Tài liệu này quy định một số nguyên tắc cơ bản mà Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert thực hiện trong quá trình đánh giá, chứng nhận ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, HACCP, GMP, OSHAS 18001, 5S</p> <p>Tài liệu này được cung cấp cho các khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ chứng nhận của VinaCert</p>	<p>1. Scope</p> <p>This document specifies some general principles that VinaCert Inspection and Certification JSC applies during an audit against ISO 9001; ISO 22000; ISO 14001; HACCP, GMP, OSHAS 18001, 5S</p> <p>This document is provided to customers who apply to use certification services of VinaCert.</p>
<p>2. Thuật ngữ, định nghĩa</p> <p>2.1 Khách hàng: Tổ chức đề nghị VinaCert chứng nhận HTQL;</p> <p>2.2 Chứng nhận: Sự xác nhận của VinaCert đối với HTQL của khách hàng phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng;</p> <p>2.3 Đánh giá tài liệu: Đánh giá ban đầu hệ thống tài liệu theo các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng;</p> <p>2.4 Đánh giá giai đoạn 1: Xem xét sự đầy đủ tài liệu của HTQL và sự sẵn sàng của khách hàng cho việc đánh giá chứng nhận giai đoạn 2;</p> <p>2.5 Đánh giá giai đoạn 2: Đánh giá việc thực hiện và hiệu lực của HTQL</p> <p>2.6 Tiêu chuẩn về HTQL (HTQL): Các HTQL dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn hiệp hội được thừa nhận như: ISO 9001, ISO 14000, ISO 22000, HACCP, BRC ...</p> <p>2.7 Đoàn đánh giá: Một hay nhiều chuyên gia đánh giá tiến hành cuộc đánh giá được sự hỗ trợ, nếu cần thiết, của các chuyên gia kỹ thuật;</p> <p>2.8 Chuyên gia đánh giá (CGĐG): Người có năng lực để tiến hành một cuộc đánh giá;</p> <p>2.9 Chuyên gia kỹ thuật (CGKT): Người cung cấp các kiến thức hay kinh nghiệm chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá.</p>	<p>2. Terms and definitions</p> <p>2.1. Customer/Client: The organization requesting VinaCert to certify its QMS;</p> <p>2.2. Certification: The confirmation of VinaCert that the QMS of the client conforms with the corresponding standard(s).</p> <p>2.3. Document review: Initial assessment of the document system in accordance with requirements of the corresponding standard(s);</p> <p>2.4. Stage 1 audit: Consider the sufficiency of documentation for QMS and the readiness of the client for stage 2 audit;</p> <p>2.5. Stage 2 audit: audit the implementation and effectiveness of the QMS;</p> <p>2.6. QMS Standard(s): QMSs are based on international standard(s), national standard(s) or recognized association standard(s) such as ISO 9001, ISO 14000, ISO 22000, HACCP, BRC ...</p> <p>2.7. Audit team: One or more auditors conducting an audit with the support of technical expert(s), if necessary;</p> <p>2.8. Auditor: the person having competence to conduct an audit;</p> <p>2.9. Technical expert: a person providing knowledge or specific professional experience to the audit team.</p>
<p>3. Chuẩn mực chứng nhận</p> <p>3.1. VinaCert đánh giá chứng nhận dựa trên các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế (ISO) hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tùy thuộc yêu cầu của khách hàng đăng ký chứng nhận: ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, HACCP, ISO 14001, OSHAS 18001 hoặc các tiêu chí do VICB xây dựng và ban hành.</p>	<p>3. Certification criteria</p> <p>3.1. VinaCert conducts certification audits according to national standard(s), international standard(s) (ISO) or foreign standard(s) depending on requirements of clients applying for certification of ISO 9001, ISO 22000, ISO 14001, HACCP, ISO 14001, OSHAS 18001 or criteria developed and issued by VinaCert</p>

<p>3.2. Khi có sự thay đổi hoặc bổ sung của các tiêu chuẩn hiện hành, VinaCert thông báo cho khách hàng về những chuẩn mực chứng nhận mới; VICB thẩm tra việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận mới của các khách hàng được chứng nhận.</p> <p>3.3. Phạm vi chứng nhận HTQL chất lượng của VinaCert phù hợp với quy định của Diễn đàn công nhận quốc tế IAF và được nêu trong phụ lục công nhận của tổ chức công nhận hiện tại (IAF MD1, IAF MD2, IAF MD3, IAF MD4, IAF MD5, IAF MD10, IAF MD11 và các tài liệu liên quan khác của tổ chức công nhận JAS-ANZ (phiên bản cập nhật)</p> <p>Phạm vi chứng nhận mô tả phạm vi và giới hạn đánh giá (địa điểm, đơn vị tổ chức, hoạt động và quy trình cần đánh giá)/ Khi quy trình đánh giá chứng nhận lần đầu hoặc tái chứng nhận gồm nhiều hơn 1 cuộc đánh giá (ví dụ: nhiều địa điểm) phạm vi của một cuộc đánh giá riêng rẽ không bao trùm toàn bộ phạm vi đánh giá chứng nhận, tổng số các cuộc đánh giá thì phù hợp với phạm vi trong tài liệu chứng nhận.</p>	<p>3.2. When having some changes or supplement of applicable standards, VinaCert will inform clients of new criteria/changes; VICB shall verify the compliance of its certified clients with the new requirements.</p> <p>3.3. Scope of QMS certification by VinaCert depends on regulations of International Accreditation Forum (IAF) and stated in annex of accreditation body on current time (IAF MD 1; IAF MD 2; IAF MD 3; IAF MD 4; IAF MD 5; IAF MD10; IAF MD11, other related documents of JAS-ANZ Accreditation Body (Updated Version)</p> <p>The audit scope describes the extent and boundaries of the audit, such as physical locations, organizational units, activities and processes to be audited. Where the initial certification or re-certification process consists of more than one audit (e.g. covering different locations), the scope of an individual audit does not cover the full certification scope, the totality of audits is consistent with the scope in the certification document.</p>
<p>4. Nguyên tắc hoạt động của VINACERT</p> <p>Đảm bảo sự nhất quán, khách quan, công bằng, không thiên vị, công khai trong hoạt động đánh giá chứng nhận và bảo mật các thông tin của khách hàng.</p>	<p>4. Operation Principles of VinaCert</p> <p>Ensuring the consistency, objectivity, impartiality, publicity of certification activities and maintaining the confidentiality of all information of the clients.</p>
<p>5. Trách nhiệm của khách hàng</p> <p>5.1 Tạo điều kiện để Chuyên gia đánh giá của VinaCert tiếp cận tất cả các điểm được đánh giá trong điều kiện làm việc bình thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho VinaCert để hoàn thiện quá trình đánh giá; tạo điều kiện cho việc hiện diện của các quan sát viên (ví dụ: chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia đánh giá tập sự)</p> <p>5.2 Bố trí người dẫn đường thông thạo địa hình và am hiểu những quy định về an toàn lao động của khách hàng cho đoàn đánh giá;</p> <p>5.3 Cử người đại diện cho lãnh đạo chịu trách nhiệm liên lạc với VinaCert;</p> <p>5.4 Sử dụng Logo, dấu hiệu chứng nhận của VinaCert theo đúng quy định tại phần 9 của Quy định này và cam kết không gây bất kỳ sự sai lạc nào về chứng chỉ; Khi thay đổi phạm vi hệ thống, mọi vật liệu quảng cáo đều thay đổi theo;</p>	<p>5. Responsibilities of clients</p> <p>5.1 Facilitating auditors of VICB to have access to all sites audited in normal working conditions and providing necessary information for the VinaCert to complete the audit process; to make provisions, where applicable, to accommodate the presence of observers (e.g. accreditation auditors or trainee auditors);</p> <p>5.2 Appointing a pilot, who knows clearly about terrain and understanding regulations on labor safety set by the customer, to support the audit team;</p> <p>5.3. Appointing a representative who is responsible for communicating with VinaCert.</p> <p>5.4. Using certification logo of VICB in accordance with the provisions stated in section 9 of this Regulation and commit to not misuse the certification; When changing the scope of the system, all advertising materials must be changed</p>

<p>5.5 Không sử dụng chứng chỉ cho các hoạt động ngoài phạm vi chứng nhận và không sử dụng chứng chỉ trong các hoạt động mang tiếng xấu cho VinaCert;</p> <p>5.6 Thực hiện đầy đủ các quy định của VinaCert, đặc biệt về việc duy trì hệ thống, chấp nhận điều kiện đình chỉ hoặc thu hồi chứng chỉ của VinaCert;</p> <p>5.7 Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với VinaCert.</p> <p>5.8. Không sử dụng hoặc cho phép người khác sử dụng toàn bộ hay một phần tài liệu chứng nhận theo cách gây hiểu nhầm, sai lệch</p>	<p>accordingly;</p> <p>5.4 Do not use the certificate for other purposes out of the certification scope and do not use the certificate in a manner which negatively affects VICB's reputation;</p> <p>5.6. Fully complying with provisions specified by VICB, especially on the maintenance of the system, acceptance of the conditions of certificate suspension or withdrawal set by VinaCert.</p> <p>5.7 Fully taking all responsibilities in the contract signed with VICB;</p> <p>5.8. Not using or permitting the use of a certification document or any part thereof in a misleading manner.</p>
<p>6. Trách nhiệm của VinaCert</p> <p>6.1 Thực hiện việc đánh giá, chứng nhận theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015; ISO/IEC TS 17021-3:2013 và ISO/TS 22003:2013;</p> <p>6.2 Xây dựng và thông báo trên website http://www.vinacert.vn (1 tháng cập nhật 1 lần) danh mục các sản phẩm của tổ chức được VICB chứng nhận;</p> <p>6.3 Bảo mật các thông tin liên quan đến Khách hàng ngoài những thông tin đã công bố ở phần 6.2 và 11.4; thông báo trước cho khách hàng về các thông tin VICB dự định sẽ công khai trong trường hợp VinaCert được pháp luật yêu cầu hoặc được cho phép theo thỏa thuận hợp đồng (ví dụ như với tổ chức công nhận cho VinaCert) trừ khi pháp luật ngăn cấm. VinaCert bảo mật tất cả các thông tin về khách hàng trong quá trình làm việc trừ khi có yêu cầu của luật pháp</p> <p>6.4 Thông báo cho khách hàng những ý kiến phản hồi mà VICB nhận được liên quan đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ của khách hàng;</p> <p>6.5 Tuân thủ các nội quy, quy định của khách hàng tại điểm đánh giá;</p> <p>6.6 Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với khách hàng; chịu trách nhiệm và duy trì thẩm quyền đối với những quyết định của mình liên quan đến chứng nhận, bao gồm việc cấp, từ chối, duy trì chứng nhận, mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi chứng nhận, cấp lại, đình chỉ hoặc khôi phục sau khi đình chỉ hay hủy bỏ chứng nhận.</p> <p>6.7 Đảm bảo sự độc lập khách quan, không thiên vị và công khai</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thông qua chính sách sử dụng CGĐG của mình. Thành viên trong đoàn đánh giá phải: <ul style="list-style-type: none"> - Không có mối quan hệ về tài chính với 	<p>6. Responsibilities of VinaCert</p> <p>6.1. Performing the audit and certification as required by ISO/IEC 17021-1:2015; ISO/IEC TS 17021-3:2013 và ISO/TS 22003:2013 standards;</p> <p>6.2. Developing and announcing on the website http://www.vinacert.vn (regularly updated) the list of the organizations certified by VinaCert.</p> <p>6.3. Ensuring the confidentiality of information relating to customers in addition to the published information in section 6.2 and 11.4; informing the client, in advance, of the information VICB intends to place in the public domain when VinaCert is required by law or authorized by contractual arrangements (such as with the AB's VinaCert) unless prohibited by law. VinaCert confidential all information obtained or created during the performance of the CAB's activities except as required by law</p> <p>6.4. Informing clients of feedback received by VICB regarding to quality of services and products, procedures or the QMS of the clients.</p> <p>6.5. Complying with the rules and regulations of the customers on the audit site;</p> <p>6.6. Fully taking all responsibilities mentioned in the service contract entered with the clients; responsible for retain authority for, its decisions relating to certification, including the granting, refusing, maintaining of certification, expanding or reducing the scope of certification, renewing, suspending or restoring following suspension, or withdrawing of certification.</p> <p>6.7. Ensuring the independence, objectivity, impartiality, and openness by means of:</p> <ul style="list-style-type: none"> • The policies of using auditors of VICB. Members in an audit team shall: <ul style="list-style-type: none"> - have no financial relationship with

<p>KH;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có mối quan hệ gia đình với các lãnh đạo chủ chốt của KH; - Không tư vấn Sản phẩm cho KH. <ul style="list-style-type: none"> • Không chứng nhận về hệ thống quản lý chất lượng cho một tổ chức chứng nhận khác <ul style="list-style-type: none"> • Thông qua hoạt động của HĐCV. Các thành viên trong HĐCV phải đảm bảo: <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện được lợi ích cho tất cả các bên; - Không chịu các áp lực về tài chính; công việc; tình cảm trong các quyết định của mình; - Am hiểu luật pháp. • Thông qua hoạt động của các phòng thử nghiệm cam kết độc lập, bảo mật, khách quan; • Cung cấp và cập nhật cho KH các thông tin về chứng nhận lần đầu và các hoạt động tiếp theo đó, bao gồm việc đăng ký, đánh giá lần đầu, đánh giá giám sát và quá trình cấp, từ chối, duy trì chứng nhận, mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi chứng nhận, cấp lại, đình chỉ hoặc khôi phục, hủy bỏ chứng nhận và các quy định về sử dụng dấu/logo chứng nhận, phí đánh giá chứng nhận. • Lập danh mục các tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB tiềm ẩn những mối nguy dẫn đến sự không công bằng và biện pháp phòng ngừa nhằm đảm bảo tính công bằng trong hoạt động đánh giá của VICB; • Tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng của VICB có điều kiện tham gia quyết định lựa chọn thành phần đoàn đánh giá nếu KH nhận thấy tiềm ẩn sự không công bằng trong hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB bởi thành phần đoàn đánh giá. • Xây dựng cơ chế giám sát trong quá trình đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng, VICB kiên quyết không sử dụng chuyên gia đánh giá không khai báo rõ ràng quan hệ của mình với khách hàng. <p>6.8 VinaCert cam kết chỉ đánh giá, thẩm xét, quyết định và giám sát ở những vấn đề liên quan cụ thể đến phạm vi khách hàng đăng ký chứng nhận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - customers; - have no family relationship with key leaders of clients - do not provide any QMS consultancy service to the customers; <ul style="list-style-type: none"> • Do not certify another CAB for its quality management system <ul style="list-style-type: none"> • Ensuring the independence, objectivity, impartiality, openness in decision on certification through activities of the Advisory Council. Members of Advisory Council shall ensure: <ul style="list-style-type: none"> - to represent the benefits for all parties; - to not have any pressure related to finance, work, emotion in making their decisions; - to have understanding of the Law. • VinaCert ensures to provide information and update clients a detailed description of the initial and continuing certification activity, including the application, initial audits, surveillance audits, and the process for granting, refusing, maintaining of certification, expanding or reducing the scope of certification, renewing, suspending or restoring, or withdrawing of certification and regulations on using logo, certification mark, fees of certification. • VinaCert makes a list of organizations, individuals relating to certification activities of VinaCert who have potential risks leading to unfairness and preventive measures to ensure fairness in the audits of VICB; • VinaCert creates favorable conditions for the clients to be able to participate in making decision on selecting members of the audit team if the clients realize that there are potential risks leading to unfairness caused by the audit team. • VinaCert builds the monitoring mechanism in the audit process to ensure fairness; VICB is determined to avoid using auditors that do not explicitly declare their relationship with the customers. <p>6.8 Vinacert commitment they only audit, verify, decision and monitoring for the scope applied.</p>
<p>7. Hiệu lực của chứng nhận</p> <p>7.1 VinaCert cấp chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn cho HTQL của khách hàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn mà khách hàng đăng ký chứng nhận.</p>	<p>7. Validity of certificate</p> <p>7.1. VICB issues certificate for clients' QMS meeting all requirements of standard(s) that the clients applies for certification.</p>

<p>7.2 Hiệu lực cho tất cả các chứng chỉ là 3 năm kể từ ngày cấp. Trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực, VinaCert tiến hành đánh giá giám sát (từng phần hoặc toàn bộ) HTQL đã được chứng nhận để đảm bảo hệ thống luôn được duy trì phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng. Chu kỳ đánh giá giám sát phụ thuộc vào thỏa thuận giữa VinaCert với khách hàng, nhưng không quá 12 tháng với HTQL theo tiêu chuẩn ISO 9001; OSHAS 18001; ISO 14001, ISO 22000; HACCP; GAP; GMP, 5S</p>	<p>7.2. The validity of all certificates is 3 years from the date of issue. During the valid period of certificate, VICB conducts surveillance audit (partly or as a whole) of QMS of certified clients to ensure that the system is always maintained as required by the standard(s), Cycle of surveillance audit depends on the agreement between VinaCert and clients but no more than 12 months for QMS according to ISO 9001; OSHAS 18001; ISO 14001, ISO 22000; HACCP; GAP; GMP, 5S</p>
---	---

8. Đánh giá chứng nhận hệ thống/ MS certification audit

LƯU ĐỒ CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG/ CHART OF MS CERTIFICATION PROCESS

LƯU ĐÒ CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ /

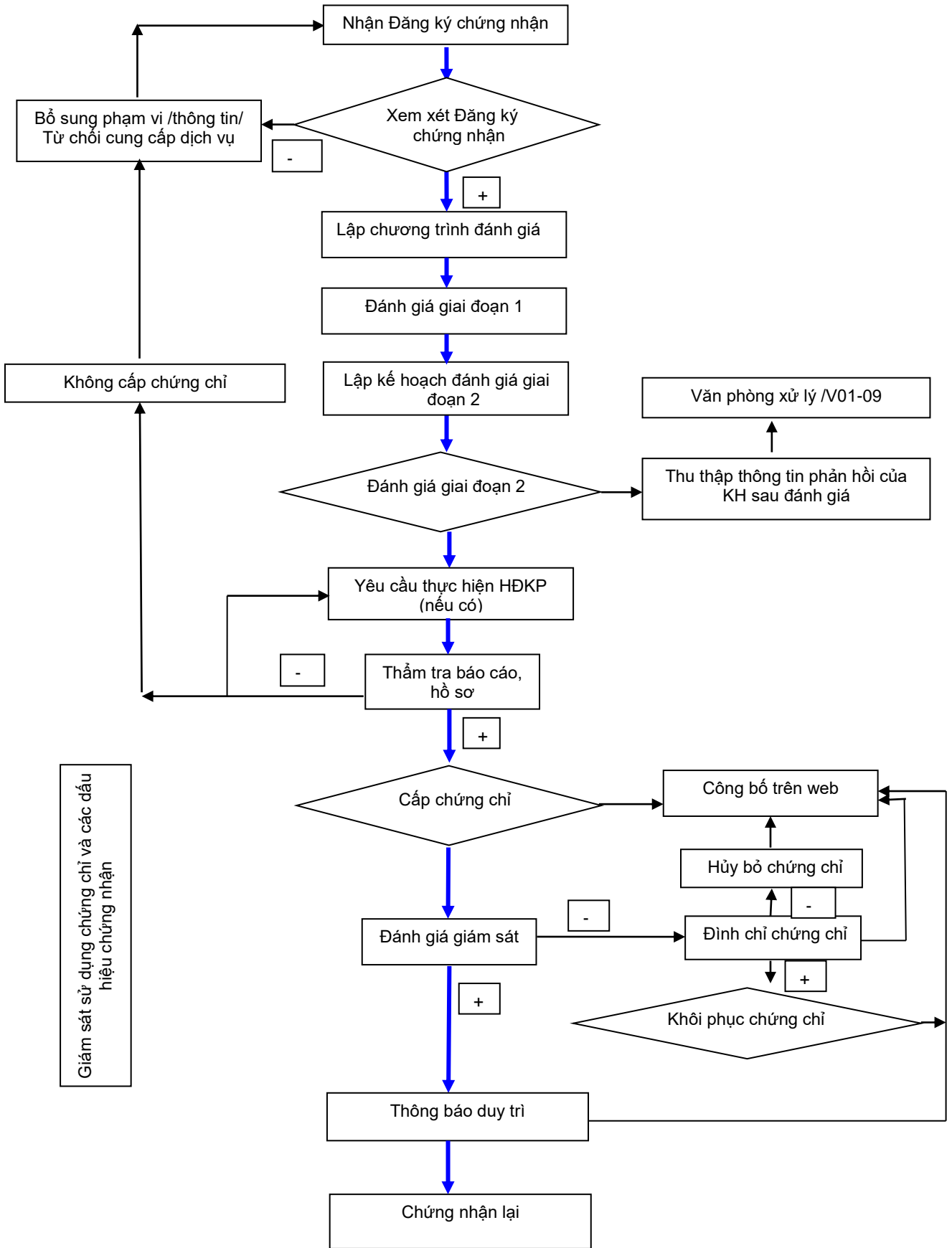
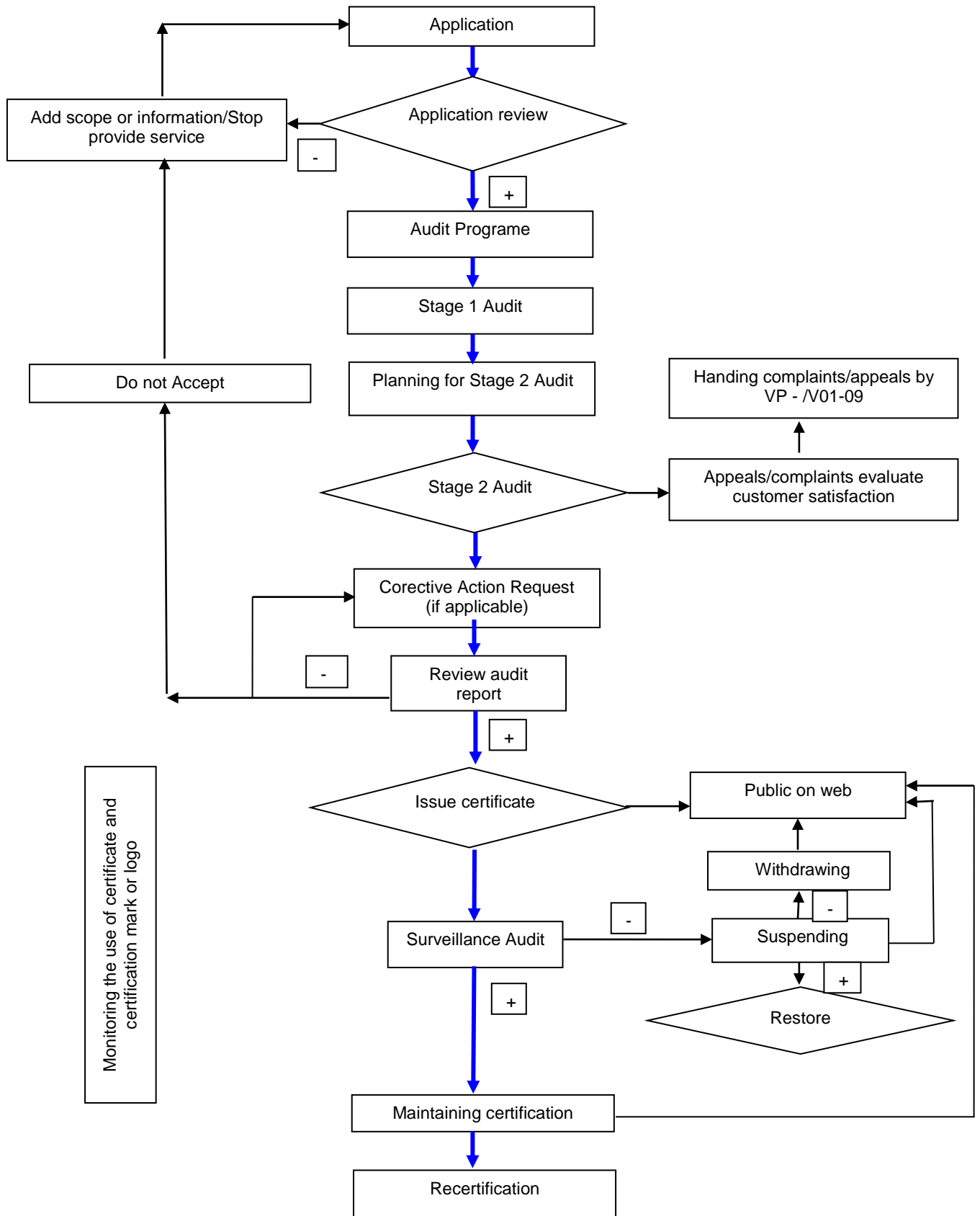


CHART OF MS CERTIFICATION PROCESS



<p>8.1 Đăng ký chứng nhận</p> <p>8.1.1 VinaCert thỏa thuận với khách hàng về hợp đồng đánh giá chứng nhận</p> <p>8.1.2 Khách hàng cần điền đầy đủ các thông tin theo mẫu “đăng ký chứng nhận” (F00-10-18), và gửi kèm theo các tài liệu theo yêu cầu trong phiếu đăng ký cho VinaCert;</p> <p>Trường hợp khách hàng đã được đánh giá bởi tổ chức chứng nhận khác, VinaCert yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu liên quan đến đánh giá như là báo cáo ĐG, các HĐKP đối với các NC và các tài liệu, hồ sơ hỗ trợ cho việc lập chương trình đánh giá</p> <p>8.1.3 VinaCert tiến hành đánh giá giai đoạn 1 tại hiện trường khi cần thiết hoặc đánh giá thử nếu khách hàng có yêu cầu hợp lý;</p> <p>8.2 Thành lập đoàn đánh giá.</p> <p>8.2.1 Khi khách hàng đã sẵn sàng cho việc đánh giá chứng nhận, VinaCert thành lập đoàn đánh giá gồm trưởng đoàn và thành viên khác khi cần thiết (CGKT, biên phiên dịch, quan sát viên,...) mà không làm ảnh hưởng tới cuộc đánh giá;</p> <p>8.2.2 Chuyên gia đánh giá được lựa chọn trên cơ sở có đủ năng lực phù hợp với lĩnh vực được đánh giá và đảm bảo tính khách quan của việc đánh giá. Trường hợp VinaCert không chỉ định được CGDG có đủ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực được đánh giá thì VinaCert sẽ mời CGKT phù hợp tham gia đoàn đánh giá;</p> <p>Đoàn đánh giá phải được chỉ định và bao gồm các chuyên gia đánh giá (và các chuyên gia kỹ thuật, nếu cần thiết) đủ năng lực. Việc lựa chọn đoàn đánh giá để thực hiện cuộc đánh giá phải tuân theo các tài liệu về năng lực của các chuyên gia đánh giá và chuyên gia kỹ thuật và có thể sử dụng nguồn nhân lực, bên trong và bên ngoài. Trong trường hợp đoàn đánh giá chỉ có một chuyên gia đánh giá, chuyên gia phải có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của chuyên gia đánh giá trưởng đoàn trong cuộc đánh giá đó.</p> <p>8.2.3 VinaCert thông báo bằng văn bản cho khách hàng về thành phần đoàn đánh giá. Nếu khách hàng nhận thấy đoàn đánh giá không đảm bảo tính khách quan thì khách hàng có thể đề nghị và VinaCert sẽ xem xét thay đổi thành phần đoàn đánh giá cho phù hợp</p> <p>8.2.4 Khi quyết định về quy mô và thành phần đoàn đánh giá, cần xem xét các nội dung sau:</p> <p>a) các mục tiêu, phạm vi và tiêu chí đánh giá,</p>	<p>8.1. Application for certification</p> <p>8.1.1. VinaCert makes agreement with the client on a certification contract</p> <p>8.1.2. The clients are required to completely fill out the “application form” (F00-10-18) and send it to VinaCert with attached documents as required in the application form.</p> <p>Where the CAB is taking account of certification already granted to the client and to audits performed by another CAB, it shall obtain and retain sufficient evidence, such as reports and documentation on corrective actions, to any nonconformity. The documentation shall support the fulfilling of the requirements in this part of ISO/IEC 17021.</p> <p>8.1.3. VinaCert conducts an on-site stage 1 audit if necessary or a trial audit if the clients make an appropriate request.</p> <p>8.2. Audit team establishment</p> <p>8.2.1. When the applicant is ready for initial certification, VinaCert will establish an audit team including a lead auditor and other members (technical experts, translators, interpreters, guides, etc.), if necessary; and they do not unduly influence the audit.</p> <p>8.2.2. Auditors are selected according to their competence in the field of certification and objectivity of the audit. In case that VinaCert is not able to appoint the lead auditor with sufficient competence in the audited scope, VinaCert will invite a suitable technical expert as a member of the audit team.</p> <p>The audit team shall be appointed and composed of auditors (and technical experts, as necessary) having enough competence. The selection of the team shall be performed with reference to the designations of competence of auditors and technical experts, and may include the use of both internal and external human resources. If there is only one auditor, the auditor shall have the competence to perform the duties of an audit team leader applicable for that audit.</p> <p>8.2.3. VinaCert informs customer in writing of the composition of the audit team. If the clients realize that the audit team cannot ensure the objectivity, the clients can make a request to VinaCert and VinaCert will consider changing the composition of the audit team.</p> <p>8.2.4 In deciding the size and composition of the</p>
---	--

<p>cũng như thời gian dự tính của cuộc đánh giá;</p> <p>b) xác định xem cuộc đánh giá là đánh giá kết hợp, tích hợp hay đánh giá chung;</p> <p>c) năng lực cần thiết của đoàn đánh giá để đạt được các mục tiêu của cuộc đánh giá;</p> <p>d) các yêu cầu chứng nhận (bao gồm mọi quy định được áp dụng của pháp luật, các nội quy và yêu cầu của hợp đồng);</p> <p>e) ngôn ngữ và văn hóa;</p> <p>f) các thành viên của đoàn đánh giá đã từng tham gia đánh giá hệ thống quản lý của khách hàng chưa.</p> <p>8.2.5 Các chuyên gia đánh giá tập sự có thể tham gia đoàn đánh giá và sẽ có một chuyên gia đánh giá được chỉ định làm người đánh giá. Chuyên gia đánh giá phải có đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ này và có trách nhiệm đối với các hoạt động và phát hiện của chuyên gia đánh giá tập sự.</p> <p>8.2.6 Trưởng đoàn đánh giá cần thảo luận với đoàn đánh giá để phân công cụ thể cho các thành viên trong đoàn về quá trình đánh giá, các chức năng, địa điểm, lĩnh vực và hoạt động đánh giá. Khi phân công trách nhiệm cần xem xét yêu cầu về năng lực và hiệu quả và hiệu suất sử dụng đoàn đánh giá, cũng như những vai trò và trách nhiệm khác nhau của chuyên gia đánh giá, chuyên gia đánh giá tập sự và các chuyên gia kỹ thuật. Có thể có những thay đổi trong phân công công việc trong quá trình đánh giá nhằm đạt được các mục tiêu đánh giá.</p>	<p>audit team, consideration shall be given to the following:</p> <p>a) audit objectives, scope, criteria and estimated time of the audit;</p> <p>b) whether the audit is a combined, integrated or joint audit;</p> <p>c) the overall competence of the audit team needed to achieve the objectives of the audit;</p> <p>d) certification requirements (including any applicable statutory, regulatory or contractual requirements);</p> <p>e) language and culture;</p> <p>f) whether the members of the audit team have previously audited the client's management system.</p> <p>8.2.5 Auditors-in-training may be included in the audit team as participants, provided an auditor is appointed as an evaluator. The evaluator shall be competent to take over the duties and have final responsibility for the activities and findings of the auditor-in-training.</p> <p>8.2.6 The audit team leader, in consultation with the audit team, shall assign to each team member responsibility for auditing specific processes, functions, sites, areas or activities. Such assignments shall take into account the need for competence, and the effective and efficient use of the audit team, as well as different roles and responsibilities of auditors, auditors-in-training and technical experts. Changes to the work assignments may be made as the audit progresses to ensure achievement of the audit objectives.</p>
<p>8.3 Đánh giá</p> <p>Đánh giá giai đoạn 1</p> <p>8.3.3 Mục đích của đánh giá giai đoạn 1 là xem xét sự đầy đủ của tài liệu HTQL và sự sẵn sàng của khách hàng cho việc đánh giá chứng nhận;</p> <p>8.3.4 Trưởng đoàn đánh giá có nhiệm vụ xem xét, đánh giá các tài liệu nhận được của khách hàng và khi cần thiết xem xét tại cơ sở của khách hàng đăng ký chứng nhận. Trường hợp tài liệu của khách hàng có những điểm không phù hợp với tiêu chuẩn, Trưởng đoàn đánh giá phải có báo cáo gửi cho phòng Chứng nhận của VinaCert để thông báo cho khách hàng sửa đổi, bổ sung.;</p> <p>8.3.5 Kết quả đánh giá giai đoạn 1 được lập</p>	<p>8.3. Audit</p> <p>Stage 1 Audit</p> <p>8.3.3. Purpose of stage 1 audit is to review the sufficiency of QMS documentation and the readiness of clients for certification;</p> <p>8.3.4. Lead auditor takes responsibility for reviewing, auditing all documentation received from the clients and review on the clients' site, if necessary. In case that the documentation has non-conformities against the standard(s), the lead auditor shall have a report sent to The PCN of VinaCert to inform the clients of modification or/and supplement.</p> <p>8.3.5. Results of stage 1 audit are made in writing and sent to the registered clients for corrective</p>

thành văn bản và được **VinaCert** gửi cho khách hàng đăng ký chứng nhận để khắc phục;

8.3.6 **VinaCert** thống nhất với khách hàng về kế hoạch đánh giá.

Đánh giá giai đoạn 2

8.3.7 Đoàn đánh giá tiến hành đánh giá tại chỗ các địa điểm của khách hàng đăng ký chứng nhận theo kế hoạch đánh giá đã thống nhất;

8.3.8 Mục đích đánh giá giai đoạn 2 là nhằm đánh giá sự phù hợp của HTQL đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng, việc thực hiện và hiệu lực của HTQL;

8.3.9 Những điểm không phù hợp phát hiện trong quá trình đánh giá sẽ được đoàn đánh giá lập thành báo cáo đánh giá và gửi cho khách hàng. Tùy theo mức độ không phù hợp đối với tiêu chuẩn tương ứng, những điểm không phù hợp được phân thành **Critical NC** (NC nghiêm trọng), **Major NC** (NC nặng), **Minor NC** (NC nhẹ).

8.3.10 Trưởng đoàn phải thông báo cho Khách hàng các phát hiện đánh giá trong báo cáo chưa phải là kết quả cuối cùng. Hồ sơ đánh giá sẽ được Phòng chứng nhận tổ chức thẩm tra. Sau khi thẩm tra, Phòng chứng nhận/chuyên gia kỹ thuật có thể sẽ kiến nghị với VICB về một số vấn đề sau: Nâng mức Ob lên thành NC; Hạ mức NC xuống thành Ob; Mở một NC mới; Nâng mức NC lên thành Ma-NC; yêu cầu đánh giá bổ sung. Căn cứ vào kết quả thẩm xét của PCN, PCN sẽ thông báo tới khách hàng kết quả đánh giá cuối cùng bằng “Thông báo kết quả đánh giá F00-10-13”. Khách hàng phải thực hiện hành động khắc phục với các điểm không phù hợp được phát hiện bởi đoàn đánh giá và các yêu cầu của VICB, sau đó gửi các bằng chứng về hành động khắc phục này cho **VinaCert** trong thời hạn 60 ngày. Nếu khách hàng không thực hiện các hành động trong thời hạn trên thì VICB có thể gia hạn thời hạn trên thêm 30 ngày. Sau thời hạn gia hạn mà HĐKP vẫn chưa được chấp nhận thì kết quả đánh giá chứng nhận bị hủy bỏ; khách hàng phải chịu toàn bộ chi phí cho VICB tiến hành đánh giá lại vào đợt sau.

8.3.11 **VinaCert** xem xét báo cáo kết quả đánh giá của đoàn đánh giá. Tùy trường hợp cụ thể **VinaCert** có thể chấp nhận những hành động khắc phục của khách hàng và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá về những điểm chưa phù hợp hoặc có thể yêu cầu đánh giá bổ sung.

action implementation.

8.3.8. **VinaCert** makes agreement with the clients on the audit plan

Stage 2 audit

8.3.7. The audit team conducts an on-site audit at the sites of registered clients according to the agreed audit plan.

8.3.8. The purpose of the stage 2 audit is to assess the compliance of QMS with requirements of respective standard(s) and the effectiveness of the QMS.

8.3.9. Non-conformities identified during the audit will be reported and informed to customer. Depending on level of NC for the relevant standard(s), non-conformities is classified in to Critical NC, major NC and minor NC.

8.3.10. Lead auditor shall notify the Client that findings in the audit report are not final results. Audit reports are reviewed by the PCN/ technical expert. After reviewing, PCN/expert may make suggestions to VICB: Make OB(s) become NC(s); Make NC(s) become OB(s), raise a new NC, make minor NC(s) to major NC(s); require additional audit. Based on results from technical expert review, PCN will notify Client final audit results using the form “Announcement of Audit Results F00-10-13”. The client has to take corrective actions for findings raised by the audit team and the PCN/ technical expert.

and send the evidences for the implementation of corrective actions within 60 days. If the customer fails to implement corrective actions within the set duration of time, **VinaCert** can extend to 30 days more. After such extended period of time, if corrective actions have not been taken, results of the initial audit will be cancelled. The customer shall pay full fees for the next audit.

8.3.11. **VinaCert** will review the audit report of the audit team and corrective actions of the customer. Depending on each specified situation, **VinaCert** can accept corrective actions of the customer and audit report on non-conformities or request a supplementary audit.

<p>8.4 Quyết định chứng nhận</p> <p>8.4.1 Dựa trên kết quả thẩm tra hồ sơ đánh giá và kiến nghị của Phòng chứng nhận, Giám đốc (người có năng lực theo V01-07 và không tiến hành đánh giá) ra quyết định theo F00-10-12:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp chứng chỉ cho khách hàng: PCN thông báo kết quả đánh giá cho khách hàng theo F00-10-13 và dự thảo quyết định cấp chứng chỉ và chứng chỉ chuyển cho khách hàng xác nhận (xem thêm quy định về chứng nhận V01-02). Sau khi khách hàng xác nhận nội dung chứng chỉ, PCN soạn thảo quyết định cấp chứng chỉ và in chứng chỉ trình Giám đốc ký ban hành theo F01-02-01. Hiệu lực chứng chỉ là 3 năm. + Không cấp chứng chỉ cho khách hàng: PCN soạn thảo công văn thông báo cho khách hàng về việc không cấp chứng chỉ và có nêu rõ lý do theo F00-10-13 + Kiến nghị khác: Giám đốc xem xét các kiến nghị của Phòng chứng nhận/chuyên gia và ra quyết định về các kiến nghị. PCN căn cứ quyết định của TGD và thông báo cho khách hàng theo F00-10-13. <p>8.4.2 Chứng chỉ cấp cho Khách hàng sẽ ghi rõ phạm vi được chứng nhận, thời hạn hiệu lực và số hiệu của chứng chỉ (F01-02-04 Chứng chỉ chứng nhận HTQLCL), (F01-02-05 Chứng chỉ chứng nhận HTQL ATTP(22k)), F01-02-06 chứng chỉ chứng nhận HACCP, (F01-02-07 Chứng chỉ chứng nhận HTQLMT), (F01-02-08 Chứng chỉ chứng nhận HTQL OHSAS).</p> <p>8.4.3 VinaCert gửi hồ sơ chứng chỉ cho khách hàng. Hồ sơ chứng chỉ bao gồm nhưng không giới hạn: 02 chứng chỉ bản gốc; 01 quyết định cấp chứng chỉ; 01 file hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận. File mềm hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận được gửi qua email cho KH. In email này lưu trong hồ sơ chứng nhận.</p> <p>Nếu khách hàng yêu cầu VinaCert sẽ tổ chức trao chứng chỉ cho khách hàng.</p> <p>Lưu ý: Cấp chứng chỉ ISO 22000 có phạm vi chứng nhận theo từng category tương ứng của phụ lục A ISO/TS 22003:2013</p>	<p>8.4. Decision on certification</p> <p>8.4.1. Based on audit report and suggestions of the Certification Department, Certification Director (the persons ave appropriate competence as V01-07 and different from those who carried out the audits and) comes to decision on granting the certificate (BM-QD-10-12)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Providing certification for clients: PCN shall inform assessment results to clients under F00-10-13 form and granting certificate draft and specialized certificate for clients' confirmation (see more about regulations on certification V01-02). After the contents of certification confirmed, PCN shall compose certificate decision and print out to submit to the Certification Director for signing and issuing according to F01-02-01. Certificates valid for 3 years. + Not providing certification for clients: PCN shall compose dispatch informs clients of not granting certificate and specify reasons under F00-10-13 form. + Other recommendations: Certification Director reviews recommendations from and reaches decisions. PCN shall rely on Certification Director's final decision to make known to clients under F00-10-13 form. <p>8.4.2. Certificate issued to the customer shall indicate the scope of certification, expiry date of the certificate and No. of certificate F01-02-04 – QMS Certificate); F01-02-06 HACCP certificate, (F01-02-06 FSMS Certificate-22k), (F01-02-07 EMS Certificate), (F01-02-08 OHSAS Certificate).</p> <p>8.4.3. VinaCert sends documents of certification to the customer. Documents include but not limited to 2 original certificates, 01 Decision of issuance, 01 file regulation for using certification marks. The regulation for using certification marks shall be sent to client through email and printed for certification records.</p> <p>VinaCert will hold an award ceremony for the customer if the customer makes a request.</p> <p>Note: The ISO 22000 certificate include in detail scope referring to categories and subcategories of Annex A ISO/TS 22003:2013</p>
<p>9. Duy trì việc chứng nhận</p> <p>9.1 Giám sát định kỳ HTQL:</p>	<p>9. Maintenance of certification</p> <p>9.1. Regular QMS surveillance audit</p>

- Khách hàng được chứng nhận phải duy trì việc thực hiện HTQL và duy trì việc chứng nhận trong suốt thời gian hiệu lực của chứng chỉ, tần suất giám sát như mục 7 của quy định này.

- Trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ, khách hàng phải tuân thủ đầy đủ các quy định về đánh giá giám sát định kỳ của **VinaCert**. Sau mỗi đợt giám sát, HTQL của khách hàng sẽ được chấp nhận duy trì nếu HTQL đáp ứng các yêu cầu đã nêu.

Trong trường hợp khách hàng đưa ra đề nghị trì hoãn đánh giá giám sát và kèm các bằng chứng chứng minh và đảm bảo hệ thống quản lý vẫn đang được duy trì theo yêu cầu của tiêu chuẩn, **VinaCert** sẽ xem xét đề nghị trì hoãn của khách hàng và trả lời bằng văn bản hoặc email tới khách hàng về việc chấp nhận trì hoãn không quá 60 ngày so với ngày quy định giám sát/

9.2 Giám sát đột xuất, mở rộng, thu hẹp phạm vi HTQL:

- Trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ, nếu khách hàng được chứng nhận có những thay đổi lớn về: tình trạng pháp lý, thương mại, tổ chức hoặc quyền sở hữu; địa điểm; cơ cấu tổ chức và quản lý; đại diện lãnh đạo; mở rộng/thu hẹp khu vực hoạt động, sản phẩm/dịch vụ; số lượng nhân viên (trên 30 %); các thay đổi chính đối với HTQL và các quy trình; các nguồn lực có tác động quan trọng đến HTQL và cập nhật tiêu chuẩn thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho **VinaCert** để **VinaCert** tiến hành đánh giá mở rộng/thu hẹp phạm vi chứng nhận.

- Tùy mức độ thay đổi về HTQL, **VinaCert** sẽ thỏa thuận với khách hàng về việc tiến hành đánh giá giám sát mở rộng/ thu hẹp. Phạm vi được mở rộng, thu hẹp phải được xem xét và khẳng định phù hợp với tiêu chuẩn Khách hàng đề nghị.

Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc đánh giá mở rộng/ thu hẹp/đột xuất sẽ do khách hàng chi trả.

Khi cấp chứng chỉ mở rộng phạm vi, cấp đổi thì ngày hiệu lực của chứng chỉ mới là ngày hiệu lực của chứng chỉ đã được cấp trước trong chu kỳ đó

- Cuộc đánh giá đột xuất được tiến hành khi: Có sự phản ánh, khiếu nại của khách hàng hoặc các bên liên quan đến lĩnh vực hoạt động HTQL đã được chứng nhận; hoặc khi VICB có quyết định khôi phục hiệu lực chứng nhận của khách hàng đã bị đình chỉ trước đó; hoặc theo yêu cầu của các bên

- Certified customers shall maintain the implementation of QMS and maintenance of certification during the valid period of the certificates with the frequency of surveillance as specified in section 7 of this document.

- During the period of validity, the customer shall fully comply regulations on regular surveillance audits of **VinaCert**. After each surveillance audit, the QMS of customer will be accepted and maintained if the QMS of the customer meets requirements as specified.

In case clients request to postpone the surveillance and attach evidences showing that Quality Management system is maintained and conformance with standard, **VinaCert** shall review the postpone request and reply them with official documentary information or email. The time of postpone is no longer than 60 days after scheduled surveillance

9.2. Unannounced surveillance, expansion and reduction of scope:

- During the time of validity, if the certified customer has major changes in the legal, commercial, organizational status or ownership, location (contact address and sites), organizational structure and management, management representative, expansion/reduction of activity area, product/ service, number of staff (more than 30%); major changes to the management system and processes; resources affecting the standard..., it is required to inform without delay **VinaCert** so that **VinaCert** conduct expanded/reduced audit scope of certification.

- Depending on the level of changes in QMS, **VinaCert** will make agreement with the customer on surveillance expanded/reduced audit. Scope of certification expanded/reduced shall be reviewed and confirmed to be suitable with standard requested by the customer.

All cost arising relating to expanded/reduced/unannounced audit shall be paid by the customer.

The effective date of expanding, exchanging certification decision shall be the effective date of latest decision in the same cycle

- Un-announced audit shall be conducted when: There are complaints, appeals of customer or departments relevant to certified field of QMS activity; or when **VinaCert** makes a decision on

<p>có thẩm quyền. Trong trường hợp này</p> <p>a) VICB sẽ mô tả và báo trước cho khách hàng chứng nhận các điều kiện tiến hành các cuộc đánh giá đột xuất, và</p> <p>b) VICB sẽ quan tâm thêm trong việc phân công nhóm đánh giá do không có cơ hội cho khách hàng thay đổi thành viên nhóm đánh giá.</p>	<p>recovery of the certificate of the customer who was suspended before, or in accordance with competent parties. In such cases</p> <p>a) VICB shall describe and make known in advance to the certified clients the conditions under which these short notice visits are to be conducted, and</p> <p>b) VICB shall exercise additional care in the assignment of the audit team because of the lack of opportunity for the client to object to audit team members.</p>
<p>10. Đình chỉ/ thu hồi chứng chỉ</p> <p>10.1 Đình chỉ hiệu lực chứng chỉ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đình chỉ sử dụng chứng chỉ là việc VinaCert ra quyết định đình chỉ (F01-02-02) có thời hạn việc sử dụng chứng chỉ của Khách hàng được chứng nhận; - Hiệu lực của chứng chỉ bị đình chỉ trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + hệ thống quản lý được chứng nhận của khách hàng không thỏa mãn một cách liên tục hoặc nghiêm trọng các yêu cầu chứng nhận, bao gồm cả các yêu cầu về hiệu lực của hệ thống quản lý, +khách hàng được chứng nhận tự nguyện đình chỉ + Khách hàng sử dụng chứng chỉ hoặc logo của VinaCert trái với quy định + Khách hàng không bố trí đánh giá giám sát định kỳ như đã thỏa thuận; + Khách hàng không thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp đã được phát hiện theo quy định + Khách hàng không trả đầy đủ phí chứng nhận theo thỏa thuận <p>10.2 Hủy bỏ/Thu hồi chứng chỉ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hủy bỏ/ thu hồi chứng chỉ là việc VinaCert ra quyết định hủy bỏ/ thu hồi chứng chỉ đã cấp cho khách hàng và chấm dứt hiệu lực của chứng nhận. - Việc hủy bỏ/ thu hồi chứng chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + HTQL của khách hàng không đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn; + HTQL của khách hàng không duy trì hiệu lực (không có HĐKP đúng thời hạn sau khi đã bị đình chỉ hiệu lực chứng chỉ); + Có khiếu nại nghiêm trọng từ cá nhân, tổ chức sử dụng sản phẩm/dịch vụ của khách hàng (không tuân thủ các yêu cầu của các cơ 	<p>10. Suspension/ withdrawal of certificate</p> <p>10.1 Suspension of certificate</p> <ul style="list-style-type: none"> - Suspension is that VinaCert makes a decision on suspension of certified customer's certificate (F01-02-02) . - Validity of certificate is suspended in the following cases: <ul style="list-style-type: none"> + the client's certified management system has persistently or seriously failed to meet certification requirements, including requirements for the effectiveness of the management system, + the certified client has voluntarily requested a suspension. + Customer uses the certificate or the logo of VinaCert incorrectly to the regulations specified. + Customer fails to implement corrective actions for non-conformities identified as regulations. + Customer does not make full payment for certification fees as per agreement. <p>10.2. Cancellation/withdrawal of certificate</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cancellation/ withdrawal of certificate means that VinaCert makes a decision on cancellation/ withdrawal of the certification and terminates validity of the certificate. <ul style="list-style-type: none"> + MS of the customer fails to meet the requirements of the standard(s); + MS of the customer fails to maintain effectiveness (without any corrective actions on time after certificate suspended); + There is serious complaint from individuals or organizations using the customer's

<p>quan có thẩm quyền liên quan)</p> <p>Trong quá trình đánh giá giám sát, nếu HTQL không được duy trì hoặc không đáp ứng được các yêu cầu của tiêu chuẩn thì chứng chỉ có thể bị đình chỉ hiệu lực trong thời gian tối đa 60 ngày cho đến khi VICB nhận được các hành động khắc phục phù hợp. Nếu trong thời gian 60 ngày KH có báo cáo HĐKP phù hợp thì chứng chỉ sẽ được khôi phục hiệu lực Nếu trong thời gian 60 ngày khách hàng không có các hành động khắc phục phù hợp thì chứng chỉ sẽ bị hủy bỏ hiệu lực và thu hồi vĩnh viễn.</p> <p>10.3 Việc đình chỉ và thu hồi chứng chỉ sẽ được VinaCert thông báo lên website của Công ty: http://www.vinacert.vn và VICB sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp khác.</p> <p>Theo yêu cầu của bên bất kỳ, VICB sẽ tuyên bố chính xác về tình trạng chứng nhận hệ thống quản lý của khách hàng là đang bị đình chỉ, thu hồi hoặc thu hẹp phạm vi.</p> <p>11. Tái chứng nhận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc đánh giá chứng nhận lại là để xác nhận sự phù hợp liên tục và hiệu lực của toàn bộ hệ thống quản lý, cũng như tính thích hợp liên tục và khả năng áp dụng đối với phạm vi chứng nhận / <p>Cuộc đánh giá chứng nhận lại được hoạch định và tiến hành đúng kỳ hạn để xem xét đánh giá sự đáp ứng liên tục tất cả các yêu cầu tiêu chuẩn và các tài liệu quy định khác có liên quan về hệ thống quản lý, để cấp chứng nhận lại kịp thời trước khi hết hạn chứng nhận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trước khi hiệu lực của chứng chỉ hết hạn, VinaCert thỏa thuận với khách hàng hợp đồng tái đánh giá chứng nhận và tiến hành đánh giá chứng nhận (có thể bỏ qua giai đoạn đánh giá giai đoạn 1 nếu HTQL không có thay đổi đáng kể). Các bước tiến hành như đánh giá chứng nhận lần đầu). - Cuộc đánh giá chứng nhận lại thông thường được thực hiện vào ngày đánh giá chứng nhận của lần chứng nhận trước và trước ít nhất 3 tháng so với ngày hết hiệu lực của chứng chỉ. <p>Cuộc đánh giá chứng nhận lại phải xem xét việc vận hành HTQL tại thời điểm chứng nhận, bao gồm việc xem xét các báo cáo của cuộc đánh giá giám sát trước: tính hiệu lực của toàn bộ hệ</p>	<p>service/product (fails to comply with requirements of relevant competent authorizations)</p> <p>During the surveillance audit, if QMS is not maintained or fails to meet the requirements of the standard(s), the certificate may be suspended max 60 day until VICB receives appropriate corrective actions. If within 60 day, if customer have appropriate corrective actions, the certificate will be restored. If within 60 day, if customer does not have appropriate corrective actions, the certificate will be withdrawn.</p> <p>10.3. Suspension and withdrawal of the certificate will be published on the website of VinaCert http://www.vinacert.vn and VICB shall take any other measures it deems appropriate.</p> <p>Upon request by any party, VICB shall correctly state the status of certification of a client's management system as being suspended, withdrawn or reduced.</p> <p>11. Re-certification</p> <ul style="list-style-type: none"> - The recertification audit is to confirm the continued conformity and effectiveness of the management system as a whole, and its continued relevance and applicability for the scope of certification. - Re-certification shall be planned and implemented in due time, to review and evaluate the continued fulfilment of all of the requirement of the relevant management system standard of other normative document, to enable for timely renewal before the certificate expiry date. - Before the certificate will be expired, VinaCert agrees with customer to enter the contract of recertification (may be ignore stage 1 audit if management system no significant change). All steps for certification shall be conducted as in the initial certification audit). - Recertification is normally conducted on the date of previous initial audit and at least 3 month prior to expiry date of the certificate. <p>Reaudit must review operating of management system, include reviewing last assessemnt audit</p>
--	--

<p>thống, kể cả các thay đổi nội bộ và bên ngoài cũng như khả năng áp dụng đối với phạm vi chứng nhận; cam kết duy trì hiệu lực và cải tiến hệ thống quản lý; việc vận hành HTQL đã được chứng nhận để đạt được chính sách và mục tiêu của tổ chức.</p> <p>Với mọi sự không phù hợp nặng, sự khắc phục và hành động khắc phục phải được thực hiện, kiểm tra xác nhận trước khi hết hạn chứng nhận/</p> <ul style="list-style-type: none"> - VICB đưa ra quyết định về việc cấp mới chứng nhận dựa trên các kết quả đánh giá chứng nhận lại cũng như các kết quả xem xét hệ thống trong quá trình chứng nhận và các khiếu nại từ phía người sử dụng chứng nhận. - Khi hoạt động chứng nhận lại được hoàn thành trước thời hạn của chứng nhận hiện thời, thì ngày hết hạn của chứng nhận mới có thể dựa trên ngày hết hạn của chứng nhận hiện thời. Ngày cấp chứng chỉ mới phải đúng hoặc sau ngày quyết định chứng nhận lại. - Khi hoạt động đánh giá chứng nhận lại chưa được hoàn thành hoặc không thể kiểm tra xác nhận việc thực hiện khắc phục và hành động khắc phục đối với mọi sự không phù hợp nặng trước thời hạn của chứng nhận thì không được chứng nhận lại và không được gia hạn hiệu lực của chứng nhận cũ. Phải thông báo cho khách hàng kết quả của việc chứng nhận lại kèm theo diễn giải việc này. - Sau ngày hết hạn trên chứng chỉ, Chứng chỉ có thể được khôi phục trong vòng 6 tháng với điều kiện hoạt động chứng nhận lại đã hoàn thành hoặc ít nhất đánh giá giai đoạn 2 đã được thực hiện. Ngày hiệu lực của chứng chỉ phải đúng hoặc sau ngày quyết định chứng nhận lại và ngày hết hạn phải dựa trên chu kỳ chứng nhận trước đó 	<p>report, effectiveness of management system, including internal/external change, as ability apply for certification scope; commitment to maintain the effectiveness and improvement of management system; operating management system so that achieve policy and objective of organisation.</p> <p>For any major nonconformity, correction and corrective actions must be implemented and verified prior to the expiration of certification</p> <ul style="list-style-type: none"> - VICB shall make decisions on renewing certification based on the results of the recertification audit, as well as the results of the review of the system over the period of certification and complaints received from users of certification. - When the recertification activities are successfully completed prior to the expiry date of the existing certification, the expiry date of the new certification can be based on the expiry date of the existing certification. The issue date on a new certificate shall be on or after the recertification decision. - If the recertification audit has not completed or unable to verify the implementation of corrections and corrective actions for any major nonconformity prior to the expiry date of the certification, then recertification shall not be recommended and the validity of the certification shall not be extended. The client shall be informed and consequences shall be explained - Following expiration of certification, the CAB can restore certification within 6 months provided that the outstanding recertification activities are completed, otherwise at least a stage 2 shall be conducted. The effective date on the certificate shall be on or after the recertification decision and the expiry date shall be based on prior certification cycle
---	---

12. Sử dụng logo của VINACERT/ *Using the logo of VinaCert*

12.1 Khách hàng đã được VinaCert chứng nhận có quyền sử dụng logo của VinaCert kèm theo ký hiệu của tiêu chuẩn tương ứng như hình dưới đây/ Certified customers are entitled to use the logo of VinaCert along with marks of correspondent standard as the following picture :



ISO 9001 :2008



ISO 22000 :2005



HACCP



ISO 14001:2004



OHSAS 18001:2007

12.2 Trong trường hợp **VinaCert** được công nhận bởi tổ chức công nhận, Khách hàng được **VinaCert** chứng nhận có quyền sử dụng logo của **VinaCert** kèm theo logo của tổ chức công nhận cho **VinaCert**. Các logo công nhận sẽ được **VinaCert** công bố sau khi được công nhận.

12.3 Khách hàng được chứng nhận được sử dụng logo trên để tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu giới thiệu, tài liệu giao dịch thương mại của Khách hàng;

Khách hàng chỉ được sử dụng Logo của **VinaCert** đối với phạm vi (địa điểm, lĩnh vực) đã được chứng nhận; Không được sử dụng dấu hiệu chứng nhận của **VinaCert** trên các sản

12.2. In case that **VinaCert** is accredited by an Accreditation Body, certified customers has right to use logo of **VinaCert** along with logo of the Accreditation Body. Accreditation logos will be published by **VinaCert** after being accredited.

12.3. Certified customers are entitled to use logo for communication, advertisement in media, and in brochures.

Customers only have permission to use Logo of **VinaCert** for certified scope (location, scope) ; Certified customer shall not use certification marks in test report, inspection report, calibration report...This usage shall be in accordance with regulations of applicable law and requirements of ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17030. Reference

<p>phẩm hoặc bao bì sản phẩm (đối với dấu chứng nhận HTQLCL); không được sử dụng dấu chứng nhận trong báo cáo thử nghiệm, báo cáo giám định, hiệu chuẩn. Việc sử dụng này phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu của ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17030.</p> <p>Tham khảo quy định sử dụng dấu chứng nhận tương ứng.</p>	<p>Regulation for use of the certification mark.</p>
<p>13. Bồi thường trách nhiệm và khiếu nại</p> <p>13.1 Nếu trong quá trình đánh giá chứng nhận, khách hàng được chứng nhận đưa ra bằng chứng về việc VinaCert gây ra thiệt hại cho khách hàng và đề nghị bồi thường, VinaCert sẽ xem xét bồi thường cho thiệt hại đó, giá trị bồi thường sẽ được VinaCert thỏa thuận chi tiết với khách hàng. Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được với nhau về giá trị bồi thường thì đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết;</p> <p>13.2 Khách hàng có thể khiếu nại các hoạt động liên quan đến quá trình đánh giá, chứng nhận của VinaCert. VinaCert sẽ xem xét, giải quyết khiếu nại của Khách hàng. Nếu khách hàng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của VinaCert thì khách hàng có quyền yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật;</p> <p>13.3 Không bên nào phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho nhau nếu có những yếu tố khách quan xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên nhưng phải thông báo cho nhau về các sự kiện này bằng fax, hay thư tín trong vòng 5 ngày kể từ ngày diễn ra.</p>	<p>13. Compensation and complaints</p> <p>13.1 If during the time of initial audit, the applicant provides evidence that VICB causes damage to the customer and make a request for compensation, VICB will consider compensation for such damages and makes agreement with the customer on the compensation. In case that both parties fail to reach an agreement on the compensation value, it is required to give to economy arbitration to address for resolution.</p> <p>13.2 Customers can make an appeal regarding the activities relating to the audit process of VinaCert. VinaCert will consider and resolve the appeal of the customer. If the customer does not agree to decision on the appeal resolution of VinaCert, the customer is entitled to request for resolution as regulated by the laws.</p> <p>13.3 Neither party shall be responsible for making compensation in case that there are objective factors arising out of control of both parties but shall notify each other of these events by fax or mail within 5 days since the date of occurrence.</p>
<p>14. Các khoản chi phí</p> <p>14.1. Các khoản chi phí cho hoạt động đánh giá, chứng nhận HTQL được xác định trong Hợp đồng. Khách hàng không phải trả bất kì khoản chi phí nào khác cho VinaCert trừ chi phí cho đánh giá bổ sung được quy định tại điểm 13.2 mục này;</p> <p>14.2. Khi cần phải thẩm tra hành động khắc phục của khách hàng tại điểm được đánh giá, các chi phí đi lại, lưu trú cho chuyên gia đánh giá của VinaCert do khách hàng chi trả;</p> <p>14.3 Khi đánh giá đột xuất, mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận, các chi phí phát sinh sẽ do khách hàng chi trả.</p> <p>14.4 VinaCert phát hành hóa đơn tài chính cho toàn bộ chi phí đánh giá, chứng nhận của</p>	<p>14. Fees</p> <p>14.1 The fees for QMS audit and certification activities are specified in the contract. Customers do not pay any other fees for VICB except the cost for addition assessment specified in Section 13.2 of this document;</p> <p>14.2 When onsite verification of corrective actions of customers is required, the customers shall pay all costs of travel and stay for auditor(s) of VICB;</p> <p>14.4 When conducting unannounced audits, audits for expansion/reduction of certification scope, the customer shall pay all cost arisen.</p> <p>14.3 VICB issues invoice for full cost of audit.</p>

<p>VinaCert. Việc chậm thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn, bên Khách hàng phải chịu lãi suất 1,5% trên tháng cho phần giá trị cần phải thanh toán;</p> <p>14.5 VinaCert ra quyết định đình chỉ chứng chỉ đối với Khách hàng không thanh toán chi phí đánh giá, chứng nhận sau 60 ngày kể từ ngày VinaCert phát hành hóa đơn. Việc khôi phục chứng chỉ sẽ được thực hiện sau khi Khách hàng thanh toán chi phí đánh giá chứng nhận.</p>	<p>The late payment after 30 days from the date of invoice issuance, the customer shall bear the interest rate of 1.5%/month for the value to be requested payment;</p> <p>14.5 VICB will decide certification suspension for customers who do not pay for certification fees after 60 days from the date of invoice issuance. The recovery of certification will be made after the payment for certification fees to VICB is made.</p>
--	---

15. Hồ sơ/Records :

TT	Hồ sơ	Mã số	Nơi lưu	Thời gian lưu
1.	Quyết định cấp chứng chỉ	F01-02-01	PCN	6 năm
2.	Quyết định đình chỉ hiệu lực chứng chỉ	F01-02-02	PCN	6 năm
3.	Quyết định hủy bỏ hiệu lực chứng chỉ	F01-02-03	PCN	6 năm
4.	Mẫu chứng chỉ HTQL (9k)	F01-02-04	PCN	6 năm
5.	Mẫu chứng chỉ HTQL ATTP (22k)	F01-02-05	PCN	6 năm
6.	Mẫu chứng chỉ HTQL ATTP (HACCP)	F01-02-06	PCN	6 năm
7.	Mẫu chứng chỉ HTQL MT	F01-02-07	PCN	6 năm
8.	Mẫu chứng chỉ HTQL OHSAS	F01-02-08	PCN	6 năm
9.	Mẫu chứng chỉ 5S	F01-02-09	PCN	6 năm
